

Bản án số: 52/2025/HSST

Ngày: 29/07/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Phạm Thị Thanh Phương**

Các hội thẩm nhân dân: **Bà Trần Thu Hà, ông Phạm Văn Bình**

Thư ký bản ghi biên phiên toà: Bà **Đào Thị Tuyền** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 07 năm 2025, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 117/2025/TLST- HS ngày 11 tháng 06 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/QĐXXST ngày 14 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tiến Đ, sinh năm: 1995; Nơi thường trú: Tổ 28 Cụm 4 phường P, quận T, thành phố Hà Nội (nay là phường P, thành phố Hà Nội). Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: N; Quốc tịch: Việt N; Con ông: Nguyễn Tiến S (SN: 1966); Con bà: Nguyễn Thị Thanh H (SN: 1975).

Nhân thân:

- Ngày 25/05/2013 Công an quận T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Xâm hại sức khỏe của người khác (hết thời hiệu)

- Ngày 30/05/2014, TAND quận H, Hà Nội xử phạt 4 tháng tù về tội Không tố giác tội phạm (Bản án số 188/2014/HSST). Khi phạm tội,Đ 17 tuổi 4 tháng 18 ngày (được coi là không có án tích).

- Ngày 26/09/2016, TAND quận H, Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Bản án số 191/2016/HSST). Chấp hành xong hình phạt từ ngày 26/09/2018. Nộp án phí HSST ngày 16/08/2010 (chưa được xóa án tích)

- Ngày 05/02/2024, TAND quận B, Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (Bản án số 24/2024/HSST). Ngày thực hiện hành vi phạm tội 04/08/2023.

Danh chỉ bản số: 515 do Công an thành phố Hà Nội lập ngày 23/4/2025; Bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù theo Quyết định thi hành án phạt tù số 73/2024 ngày 08/03/2024 của TAND quận B tại Trại giam Y, tỉnh S.

2. Đỗ Hoài N, sinh năm: 1990; Nơi thường trú: P4xx E1 tập thể V, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là P406 E1 tập thể V, phường Đ, thành phố Hà Nội). Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: N; Quốc tịch: Việt N; Con ông: Đỗ Văn T (SN: 1967); Con bà: Phạm Kim O (SN: 1972). Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 anh em.

Nhân thân:

- Ngày 18/06/2014, Công an quận H, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã hết thời hiệu)

- Ngày 28/10/2016, TAND quận H, Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Bản án số 296/2016/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/06/2018. Nộp án phí HSST ngày 28/10/2016 (chưa được xóa án tích)

- Ngày 02/02/2024, TAND Thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (Bản án số 115/2024/HSST). Ngày thực hiện hành vi phạm tội ngày 31/07/2023.

Danh chỉ bản số: 514 do Công an Công an thành phố Hà Nội lập ngày 23/4/2025; Bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù theo Quyết định thi hành án hình phạt tù số 363/2024 ngày 24/04/2024 của TAND Thành phố Hà Nội tại Trại giam Phú Sơn 4, Thái Nguyên.

Bị hại: Công ty Cổ phần dịch vụ C; địa chỉ: tầng 9, tòa nhà văn phòng V, số 1 Đại Lộ T, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị L - chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Hiệp H (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tiến Đ và Đỗ Hoài N đều không có công ăn việc làm ổn định. Qua thời gian chấp hành án phạt tù tại các trại giam, Đ và N quen biết Cao Mạnh Q (SN:1988, HKTT: Số 19A ngõ 151 đường N, phường T, quận H, Hà Nội). Theo Đ và N trình bày: Vào tháng 6/2019, Nguyễn Tiến Đ và Đỗ Hoài N được Cao Mạnh Q giới thiệu là nhân viên của Công ty cổ phần dịch vụ C, trụ sở tại: Tầng 9 Tòa nhà văn phòng V, số 1 Đại Lộ, phường M, quận N Từ L, Hà Nội, có kho hàng tại: Ngõ 161 đường N, phường H, quận T, Hà Nội (Gọi tắt là Công ty S) - kinh doanh lĩnh vực dịch vụ vận chuyển hàng hóa. Q nói cho Đ và N biết sở hữ trong quản lý tiền thu của khách hàng và hàng mà khách thuê gửi để Đ và N chiếm đoạt tài sản của Công ty S, phần hưởng lợi sẽ chia một phần tiền, tài sản chiếm đoạt được cho Q. Do vậy, Đ và N đã nộp hồ sơ xin việc đến Công ty S nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của Công ty. Cụ thể như sau:

Hành vi phạm tội của Nguyễn Tiến Đ: Ngày 21/6/2019, Đ đi một mình đến ứng tuyển vào vị trí nhân viên giao hàng tại Công ty S và được Công ty nhận thử việc 01 tháng, làm việc tại kho công ty (địa chỉ: Ngõ 161 đường N, phường H, quận T, Hà Nội). Công việc của Đ là nhận đơn hàng từ kho công ty mang đi giao cho khách rồi thu tiền hàng COD từ khách và nhận các đơn hàng của khách gửi, ngay trong ngày phải bàn giao tiền hàng COD và các đơn hàng về kho của công ty. Ngày 24/6/2019, Nguyễn Tiến Đ đến kho hàng Công ty Shippo để nhận hàng đi giao cho khách và thu tiền về. Đ đã nhận 34 đơn hàng ứng với tổng giá trị tiền hàng COD phải thu của khách là 17.032.000 đồng và nhận thêm nhiệm vụ nhận 26 đơn hàng là son môi từ khách gửi với tổng giá trị là 10.148.000 đồng mang về kho công ty (có danh sách đơn hàng kèm theo). Nhận được đơn hàng, Đ gặp Q, chia nhau đơn hàng để cùng đi giao thu tiền

hàng COD, trong đó Đ nhận 20 đơn hàng tương ứng với giá trị tiền hàng COD phải thu là 10.545.000 đồng và chia cho Q 14 đơn hàng tương ứng với giá trị tiền COD phải thu là 6,487,000 đồng. Sau đó Đ và Q tách nhau ra đi giao đơn. Đến cuối giờ chiều cùng ngày, Đ và Q gặp nhau Đ giao thành công 20 đơn hàng thu được tổng số tiền COD khoảng 10.000.000 đồng, còn lại 14 đơn hàng chưa giao thành công. Đ chia cho Q số tiền 2.000.000 đồng; cho Q vay 2.500.000 đồng và đưa cho Q thêm 500.000 đồng để Q đưa cho một người tên H (không rõ thông tin) sẽ xin công ty cho Đ được trả dần số tiền hàng đã chiếm đoạt và không bị truy cứu trước pháp luật. Tổng số tiền Đ đưa cho Q là 5.000.000 đồng, còn lại khoảng 5.000.000 đồng, Đ sử dụng chỉ tiêu cá nhân hết.

Đối với 14 đơn hàng chưa giao thành công, Đ giao hết cho Q để Q đi giao và thu nốt tiền hàng COD rồi thỏa thuận về chia lại một phần tiền cho Đ. Đồng thời, Đ nhờ Q đi nhận 26 đơn hàng là son môi để cùng Đ mang đi bán. Q hứa hẹn là sẽ thu nốt tiền hàng, nhận các đơn hàng đi tiêu thụ, được bao nhiêu tiền Q và Đ sẽ chia nhau, tuy nhiên sau đó Q không liên lạc lại với Đ, không chia lại cho Đ số tiền thu của khách và tiền bán hàng. Sau đó Đ nghỉ việc, không quay lại kho của công ty và cắt liên lạc với Công ty.

Hành vi phạm tội của Đỗ Hoài N: Ngày 21/6/2019, N đi một mình đến ứng tuyển vào vị trí nhân viên giao hàng tại Công ty S và được Công ty nhận thử việc 01 tháng, làm việc tại kho công ty (địa chỉ: Ngõ 161 đường N, phường H, quận T, Hà Nội).

Ngày 25/6/2019, buổi đi làm đầu tiên, Đỗ Hoài N đến kho hàng Công ty S để nhận nhiệm vụ. N đã nhận 34 đơn hàng ứng với tổng giá trị tiền hàng COD phải thu của khách là 14.752.000 đồng (có danh sách đơn hàng kèm theo). Nhận được đơn hàng, N gặp Q chia nhau đơn hàng để cùng đi giao thu tiền hàng COD, trong đó N nhận 16 đơn hàng tương ứng với giá trị tiền hàng COD phải thu là 6.911.000 đồng và chia cho Q 18 đơn hàng tương ứng với giá trị tiền COD phải thu là 7.841.000 đồng. Sau đó, N và Q tách nhau ra đi giao. Đến cuối giờ chiều cùng ngày, N và Q gặp nhau tại cầu Chương Dương để tổng kết số tiền hàng COD đã thu được. Kết quả, N giao thành công 16 đơn hàng thu đủ số tiền hàng COD là 6.911.000 đồng, còn Q bảo chưa giao được đơn hàng nào nên N và Q chưa tập hợp tiền hàng COD để chia nhau. N đã sử dụng số tiền 6.911.000 đồng thu được của khách chỉ tiêu cá nhân hết. Đối với 18 đơn hàng chưa giao thành công, N giao hết cho Q để Q đi giao thu nốt tiền hàng. Sau đó Q chia lại tiền thu được của 18 đơn hàng này.

Đến ngày 03/07/2019, Cao Mạnh Q nhờ N đến cửa hàng, địa chỉ: Số 164 B5 T, quận B, Hà Nội để nhận 6 đơn hàng trị giá 5.280.000 đồng về bàn giao cho Q để Q đi tiêu thụ, được bao nhiêu tiền thì Q và N chia nhau. Sau đó Q cũng không chia cho N khoản tiền nào.

Do Nguyễn Tiến Đ và Đỗ Hoài N không nộp tiền thu của khách hàng về kho của Công ty, đồng thời nghỉ việc, cắt liên lạc nên Công ty S đã gửi đơn tố giác Đ và N đến Cơ quan Công an.

Tại Cơ quan điều tra: Nguyễn Tiến Đ và Đỗ Hoài N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được. Mục đích của Đ và N xin vào làm tại Công ty S là để tiếp cận tài sản và để Công ty S tin tưởng giao tài sản cho Đ và N. Ngay sau khi nhận được tài sản trong ngày đầu tiên đi làm, Đ và N đã chiếm đoạt tài sản dùng vào việc tiêu xài cá nhân, sau đó cắt liên lạc với công ty và tự

ý nghĩ việc. Lời khai của Đ và N phù hợp với danh sách đơn hàng do Công ty cung cấp.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận T đã có văn bản đề nghị Công ty cổ phần dịch vụ C trích sao thông tin tài khoản và toàn bộ dữ liệu thông tin vận chuyển, kết quả vận chuyển của các đơn hàng ứng với các mã vận đơn mà Nguyễn Tiến Đ và Đỗ Hoài N đã chiếm đoạt tiền ship COD và giá trị hàng hóa. Tại văn bản phúc đáp, Công ty cổ phần dịch vụ C cung cấp: năm 2019, sau khi xảy ra vụ việc trên, công ty đã thay đổi, chuyển sang sử dụng hệ thống quản lý thông tin nhân sự và hàng hóa khác (từ phần mềm Shippo sang Snappy). Do đó các thông tin về tài khoản và thông tin về dữ liệu hàng hóa của Nguyễn Tiến Đ và Đỗ Hoài N tại thời điểm diễn ra sự việc năm 2019 đã không còn lưu trữ trên phần mềm dữ liệu điện tử của công ty. Quá trình giao các đơn hàng giữa nhân viên kho của công ty S với Nguyễn Tiến Đ ngày 24/6/2019 và Đỗ Hoài N ngày 25/6/2019 không có biên bản giao nhận; Công ty S không lập chứng từ nhập kho và xuất kho đối với các đơn hàng giao cho Nguyễn Tiến Đ và Đỗ Hoài N. Công ty S chỉ cung cấp được bảng kê danh sách giao hàng cho Nguyễn Tiến Đ ngày 24/6/2019 và bảng kê giao hàng cho Đỗ Hoài N ngày 25/06/2019 đã xác nhận thông tin các đơn hàng theo bảng kê do công ty S cung cấp là đúng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Công an phường thông tin những khách hàng theo danh sách do công ty S cung cấp để mời làm việc liên quan đến các đơn hàng tuy nhiên với thông tin không đầy đủ, Công an phường không đủ căn cứ xác định chính xác con người mà cơ quan điều tra đề nghị cung cấp thông tin

Đối với Cao Mạnh Q, tại Cơ quan điều tra, Q không thừa nhận việc đã bàn bạc lên kế hoạch, xúi giục Đ và N xin vào Công ty S để chiếm đoạt tiền hàng COD và các đơn hàng như lời trình bày của N và Đ. Q chỉ nhận là người đã giới thiệu cho N biết Công ty S đang tuyển dụng lao động, vị trí nhân viên giao hàng, ngoài ra Q không được hưởng lợi ích gì từ việc giới thiệu này. Đối với Nguyễn Tiến Đ, Q không thừa nhận là giới thiệu Đ xin vào Công ty Shippo để xin việc, cũng không hưởng lợi ích gì từ Đ liên quan đến vụ việc. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Đ và N đối chất với Q, kết quả các bên vẫn giữ nguyên lời khai của mình như trên. Ngoài lời khai, Đ và N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh Q là người lên kế hoạch xúi giục Đ và N xin vào Công ty S để chiếm đoạt tiền hàng COD và các đơn hàng, được hưởng lợi tiền từ các đơn hàng nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý Q.

Đối với số tiền hàng Đ và N đã chiếm đoạt của Công ty CP dịch vụ C (Đ chiếm đoạt số hàng giá trị 27.180.000 đồng, N chiếm đoạt số hàng giá trị 20.032.000 đồng), Đ và N đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả toàn bộ số tiền trên cho công ty. Ngày 21/4/2025, đại diện Công ty CP dịch vụ C có đơn xác nhận đã nhận bồi thường toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt, hiện không có yêu cầu, đề nghị gì khác về dân sự và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Đ và N.

Công ty CP dịch vụ C khẳng định giá trị các đơn hàng, công ty đã bồi thường cho các cá nhân, đơn vị liên quan. Tuy nhiên do thời gian đã lâu, công ty chưa tìm được các tài liệu chứng minh. Công ty xin chịu hoàn toàn trách nhiệm với những cá nhân, đơn vị liên quan.

Tại Cáo trạng số 93/CT-VKSTX ngày 23/05/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2) đã truy tố bị cáo Nguyễn

Tiến Đ và bị cáo Đỗ Hoài N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận tội như đã khai tại cơ quan điều tra, các bị cáo thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo đúng với hành vi các bị cáo đã thực hiện. Các bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm Sát tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Hoài N và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 174; điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 47; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Đ mức án 24- 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 24/2024/HSST của TAND quận B, Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù- 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2023. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo;

Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Hoài N mức án 18 -24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 115/2024/HSST của TAND Thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù- 10 (mười) năm tù . Thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2023. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo;

Về vật chứng: Không

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội, bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và không có tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, mong sớm trở về với gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Thanh Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tiến Đ và bị cáo Đỗ Hoài N không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với vật chứng đã thu giữ, cùng các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết

luyện: Khoảng tháng 06/2019, Nguyễn Tiến Đ và Đỗ Hoài N đã dùng thủ đoạn nộp hồ sơ ứng tuyển vào vị trí nhân viên giao hàng củ Công ty cổ phần dịch vụ C (Công ty S), mục đích để tiếp cận tài sản của ty là các đơn hàng trong kho hàng địa chỉ tại 161 đường N, phường H, quận T, Hà Nội, sau đó đi giao cho khách chiếm đoạt tiền COD thu được và chiếm đoạt các đơn hàng do khách gửi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân rồi nghỉ việc, cắt liên lạc với công ty. Tổng giá trị tiền hàng Đ đã chiếm đoạt là 27.180.000 đồng. Tổng giá trị tiền hàng N đã chiếm đoạt là 20.032.000 đồng.

[3]. Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Tiến Đ và bị cáo Đỗ Hoài N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây hậu quả tiêu cực, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo nghiêm minh.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Quá trình điều tra, Đ và N đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả toàn bộ số tiền trên cho Công ty, Công ty xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7]. Sau khi xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục và cải tạo đối với các bị cáo.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên thấy cần miễn hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

[9]. Về xử lý vật chứng: Không

[10]. Về án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, được quyền kháng cáo bản án theo quy của pháp luật. Bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 174; điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 56; Điều 47; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2017; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Khoản 1, mục 1 danh mục mức án phí lệ phí Tòa án;

1. **Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến Đ và Đỗ Hoài N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2. **Về hình phạt:**

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Đ 24 (Hai mươi tư) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 24/2024/HSST của TAND quận Bắc

Từ Liêm, Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (*Bốn*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2023.

Xử phạt bị cáo Đỗ Hoài N 18 (*Mười tám*) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 115/2024/HSST của TAND Thành phố Hà Nội xử phạt 08 (*Tám*) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (*Chín*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2023.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Không

4. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 2 – Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Phương